

PHIẾU KẾT QUẢ PHÂN TÍCH

Số phiếu: NT.1849/25.09.2025_KQ

1. Tên khách hàng : Công ty Cổ phần Tập đoàn Đầu tư Sao Đỏ
2. Địa chỉ : Khu phi thuế quan và Khu công nghiệp Nam Đình Vũ (khu 1), phường Đông Hải, thành phố Hải Phòng
3. Địa điểm quan trắc : Khu phi thuế quan và Khu công nghiệp Nam Đình Vũ (khu 1), phường Đông Hải, thành phố Hải Phòng
4. Loại mẫu : Nước thải Số lượng mẫu: 01
5. Ngày lấy mẫu : 06/09/2025
6. Thời gian phân tích : 06/09/2025 đến ngày 25/09/2025

Stt	Thông số	Đơn vị	Phương pháp phân tích	Kết quả phân tích (NT)	QCVN 40: 2011/BTNMT (cột B-C _{max})
1.	Nhiệt độ	°C	SMEWW 2550B:2023	29	40
2.	pH	-	TCVN 6492:2011	7,9	5,5+9
3.	Độ màu	Pt/Co	TCVN 6185:2015	31	150
4.	BOD ₅	mg/L	TCVN 6001-1:2021	17	65
5.	COD	mg/L	SMEWW 5220C:2023	35	165
6.	TSS	mg/L	TCVN 6625:2000	16	130
7.	Tổng N	mg/L	TCVN 6638:2000	10,1	52
8.	Amoni (NH ₄ ⁺ -N)	mg/L	TCVN 6179-1:1996	0,13	13
9.	Tổng P	mg/L	TCVN 6202:2008	1,63	4,4
10.	Tổng phenol	mg/L	TCVN 6216:1996	<0,001	7,8
11.	Xyanua (CN ⁻)	mg/L	SMEWW 4500-CN ⁻ .C&E:2023	<0,002	0,13
12.	Sunfua (S ₂ ⁻)	mg/L	TCVN 6637:2000	0,10	0,65
13.	Cr(VI)	mg/L	SMEWW 3500-Cr.B:2023	<0,009	0,13
14.	Cu	mg/L	SMEWW 3111B:2023	<0,03	2,6
15.	Ni	mg/L	SMEWW 3113B:2023	<0,002	0,65
16.	Zn	mg/L	SMEWW 3111B:2023	<0,02	3,6
17.	Mn	mg/L	SMEWW 3113B:2023	<0,004	1,3
18.	As	mg/L	SMEWW 3114B:2023	<0,001	0,13
19.	Cd	mg/L	SMEWW 3113B:2023	<0,0001	0,13
20.	Pb	mg/L	SMEWW 3113B:2023	<0,001	0,65
21.	Hg	mg/L	SMEWW 3112B:2023	<0,00015	0,013
22.	Fe	mg/L	TCVN 6177:1996	0,26	6,5
23.	Florua	mg/L	SMEWW 4500-F ⁻ .B&D:2023	0,42	13
24.	Clo dư	mg/L	TCVN 6225-3:2011	0,8	2,6
25.	Cr ³⁺ (*)	mg/L	SMEWW 3113B:2023+ SMEWW 3500-Cr.B:2023	<0,003	1,3
26.	Tổng hoạt độ phóng xạ α(*)	Bq/L	SMEWW 7110B:2023	<0,004	0,1

-“ -”: Không quy định

- Tên mẫu và tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng

- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu tại thời điểm lấy mẫu hoặc gửi mẫu tại phòng thí nghiệm

- Quá thời gian lưu mẫu, Công ty không giải quyết việc khiếu nại về kết quả thử nghiệm

- Không được sao chép một phần kết quả phân tích nếu không được sự đồng ý của Công ty

27.	Tổng hoạt độ phóng xạ $\beta^{(*)}$	Bq/L	SMEWW 7110B:2023	<0,03	1,0
28.	Dầu mỡ khoáng	mg/L	SMEWW 5520B&F:2023	1,7	13
29.	Coliform	MPN/100ml	SMEWW 9221B:2023	<1,8	5.000

Ghi chú:

- Vị trí lấy mẫu:

NT: Nước thải tại đầu ra của hệ thống xử lý nước thải công suất 2.500 m³/ngày đêm (khu phía Bắc) tại bể chứa nước thải sau xử lý trước khi xả ra nguồn tiếp nhận. Tọa độ: X(m) = 2302577; Y(m) = 610041. Mã hoá: 28.060925

- Quy chuẩn so sánh:

QCVN 40:2011/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp. Cột B quy định giá trị C của các thông số ô nhiễm trong nước thải công nghiệp khi xả vào nguồn nước không dùng cho mục đích cấp nước sinh hoạt. Giá trị $C_{max} = C \times K_q \times K_f$ với $K_f = 1$, $K_q = 1,3$.

- Thông tin khác:

(*): Thông số được thực hiện bởi nhà thầu phụ: Viện Hàn lâm khoa học và công nghệ Việt Nam, Viện Khoa học công nghệ năng lượng và môi trường – Phòng phân tích độc chất môi trường (VILAS 366 & VIMCERTS 079).

Hải Phòng, ngày 25 tháng 09 năm 2025

GIÁM ĐỐC
CÔNG TY CỔ PHẦN
CÔNG NGHỆ MÔI TRƯỜNG
HẢI VIỆT
CÔNG TY CỔ PHẦN

GIÁM ĐỐC
Khổng Minh Thanh

HAIVIET